

Số: 690/BC-SYT

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 6 năm 2014

## **BÁO CÁO**

**Tình hình thực hiện công tác y tế 6 tháng đầu năm 2014,  
và trọng tâm công tác 6 tháng cuối năm 2014**

### **Phần 1**

**Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện công tác y tế 6 tháng  
đầu năm 2014**

#### **I. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành:**

- Tham mưu cho HĐND, UBND tỉnh ban hành chính sách đãi ngộ đối với bác sĩ, dược sĩ đại học và những người có trình độ sau đại học chuyên ngành y dược đang công tác tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh Quảng Ngãi (Nghị quyết số 08/2014/NQ-HĐND ngày 29/4/2014 của HĐND tỉnh và Quyết định số 24/2014/QĐ-UBND ngày 03/6/2014 của UBND tỉnh).

- Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức Hội nghị sơ kết 3 năm thực hiện Đề án xây dựng xã đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2011-2020.

- Tham mưu UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ và Chỉ thị số 26-CT/TU ngày 14/11/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2014-2020; Kế hoạch Phát triển nền y, dược học cổ truyền và Hội Đông y tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020; Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh ở người, kể cả Hội chứng viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân tại các huyện miền núi.

- Hoàn thành hồ sơ, thủ tục tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua các Nghị quyết liên quan đến lĩnh vực y tế: Sửa đổi, bổ sung mức giá một số dịch vụ khám chữa bệnh tại các cơ sở y tế Nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch thực hiện Đề án “Bảo đảm tài chính cho hoạt động phòng, chống HIV/AIDS giai đoạn 2014-2020” trên địa bàn tỉnh. Trình Thường trực HĐND tỉnh thông qua dự toán Quỹ khám, chữa bệnh cho người nghèo, người gặp khó khăn đột xuất do mắc bệnh nặng, bệnh hiểm nghèo của tỉnh Quảng Ngãi năm 2014.

- Tổ chức bàn giao, tiếp nhận 13 Trạm Y tế của huyện Sơn Tịnh, Tư Nghĩa về thành phố Quảng Ngãi theo Kế hoạch số 89/KH-UBND ngày 09/01/2014 của UBND tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 123/NQ-CP.

- Tham mưu Ban chỉ đạo triển khai các hoạt động của tháng ATVSTP năm 2014; Phối hợp với Chi cục ATVSTP tổ chức Lễ phát động tháng hành động vì

chất lượng vệ sinh an toàn thực phẩm năm 2014 với chủ đề “An toàn thực phẩm thức ăn đường phố”.

- Tiếp tục các bước chuẩn bị cho công tác tổ chức xét tuyển viên chức y tế năm 2013.

- Tiếp tục kiểm tra công tác khám, chữa bệnh; công tác dược và chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, y đức tại các đơn vị trực thuộc.

- Ký kết Kế hoạch phối hợp công tác giữa Sở Y tế và Công an tỉnh; giữa Sở Y tế và Bảo hiểm xã hội tỉnh; giữa Sở Y tế và Liên đoàn lao động tỉnh.

- Phối hợp Bộ Y tế tổ chức Lễ phát động chương trình “Ngành y tế cùng ngư dân bám biển” tại huyện đảo Lý Sơn. Đồng thời, xây dựng kế hoạch hưởng ứng, phát động, kêu gọi quyên góp tài chính, thuốc, trang thiết bị y tế hỗ trợ cho ngư dân của tỉnh.

- Tổ chức đợt tư vấn sinh viên Y Dược tốt nghiệp năm 2014 tại Trường Đại học Y Dược Huế, kết quả có 89 bác sĩ, dược sĩ đăng ký về công tác tại ngành y tế Quảng Ngãi.

- Hoàn thiện hồ sơ, đã được Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp TCVN ISO 9001:2008.

- Chuẩn bị khánh thành và đưa bệnh viện YHCT vào hoạt động (27/6/2014); Khởi công dự án bệnh viện Sản-Nhi (28/6/2014).

## **II. Chương trình mục tiêu quốc gia y tế:**

**1. Dự án 1:** Phòng, chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm đối với cộng đồng (bệnh phong, bệnh lao, bệnh sốt rét, bệnh sốt xuất huyết, bệnh ung thư, bệnh tăng huyết áp, bệnh đái tháo đường, bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng và trẻ em, bệnh phổi tắc nghẽn và mạn tính)

### **1.1 Bệnh phong:**

a) *Phòng chống phong:*

Số lần khám bệnh sàng lọc: 81.430 lượt người, đạt 81,4% KH năm, giảm 29,6% so cùng kỳ năm trước. Không có bệnh nhân mới. Số bệnh nhân QLĐT: 141, đạt 100% KH năm, giảm 8,5% so cùng kỳ năm trước.

b) *Khám bệnh ngoài da, hoa liễu:*

Số người được điều trị: 7.808, đạt 156,6% KH năm, tăng 22,48% so cùng kỳ năm trước.

### **1.2 Bệnh lao:**

Số lần khám bệnh: 20.418 lượt người, đạt 48,61% KH năm, giảm 2,9% so cùng kỳ năm trước.

Số lam đờm XN: 12.922, đạt 56,4% KH năm, giảm 8% so cùng kỳ năm trước.

Số bệnh nhân thu nhận điều trị: 643 người, đạt 49,46% KH năm, tăng 5,4% so cùng kỳ năm trước; trong đó: AFB (+): 349. Số bệnh nhân lao các thể quản lý điều trị: 2.054 người, đạt 158% KH năm, tăng 11,6% so cùng kỳ 2013.

### **1.3 Bệnh sốt rét:**

Trong 6 tháng đầu năm, toàn tỉnh ghi nhận 53 trường hợp (trong đó có 3 trường hợp sốt rét ác tính), chiếm 0,043% dân số chung và giảm 45,4% so với cùng kỳ 2013. Không có tử vong.

Tổng số lượt người được xét nghiệm 19.697 đạt 49,3% KH năm, trong đó số lam máu 14.755. Tỷ lệ KST/lam 0,21%.

Tổng lượt điều trị: 1.252, trong đó tập trung chủ yếu là cấp thuốc tự điều trị tại tuyến xã chiếm gần 62%, tất cả bệnh nhân mang KST P.falciparum đều được điều trị ACT.

Hệ thống PCSR toàn tỉnh thường xuyên thực hiện công tác truyền thông bằng nhiều hình thức khác nhau. Thời điểm hiện tại đang nỗ lực giám sát điểm nóng, giám sát cấp phát màn và tấm màn bằng hóa chất.

### **1.4 Tình hình bệnh tay chân miệng và sốt xuất huyết:**

Từ đầu năm đến ngày 12/5/2014 đã ghi nhận 117 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng, 51 trường hợp mắc sốt xuất huyết; không có tử vong. Bệnh có xu hướng tăng trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và huyện Tư Nghĩa.

### **1.5 Bệnh đái tháo đường (ĐTĐ):**

Tổng số lần khám bệnh: 16.330, đạt 58,32% KH năm, tăng 44,9% so cùng kỳ năm trước.

Tổng số lượt người điều trị ngoại trú toàn tỉnh: 11.392 lượt người. Đạt 75,9% kế hoạch năm 2014. Tăng 36,3% so với cùng kỳ năm 2013 (cùng kỳ năm 2013 là 8.361 lượt người).

Tổng số đối tượng được tư vấn: 1.128 lượt người. Đạt: 59,4 % KH năm. Tăng 93,2% so với cùng kỳ năm trước .

### **1.6 Bảo vệ sức khỏe tâm thần cộng đồng và trẻ em:**

Số lần khám bệnh: 45.607, đạt 76% KH năm, tăng 9,6% so cùng kỳ năm trước.

Số bệnh nhân mới phát hiện: 86, đạt 61,4% KH năm, giảm 28,4% so cùng kỳ năm trước.

Số bệnh nhân quản lý và điều trị: 5.852, đạt 101,1% KH năm, tương đương cùng kỳ năm trước.

Quản lý bệnh nhân trong CTMT: 2.245, đạt 41,2% KH năm, Số xã triển khai dự án 181, đạt 100% KH năm. Tỷ lệ bệnh nhân điều trị ổn định: 80%, tương đương cùng kỳ năm trước.

## **2. Dự án 2: Tiêm chủng mở rộng**

Kết quả tiêm chủng đến hết tháng 05 như sau:

+ TCDD cho 7.156 cháu dưới 1 tuổi, đạt tỉ lệ 30,7%. Tỉ lệ tiêm chủng so với cùng kỳ năm 2013 giảm 12,45%.

+ Tiêm chủng viêm gan B : VGB sơ sinh 380 cháu đạt tỉ lệ 1,63% ( Trong đó; tiêm trước 24 giờ là: 359 cháu = 1,54%)

+ Tiêm chủng uốn ván cho : 8.633 PNCT, đạt tỉ lệ 37,04%. Tỉ lệ tiêm uốn ván cho PNCT so với cùng kỳ năm 2013 tăng 8% .

+ Tiêm chủng uốn ván cho phụ nữ 15-35 tuổi đạt tỉ lệ 65,4%.

+ Số trẻ sinh ra được bảo vệ phòng UVSS: 8.710 đạt tỉ lệ 37,37%.

Nhìn chung, tỷ lệ TCDD và tiêm phòng viêm gan siêu vi B đạt rất thấp so với kế hoạch năm.

### **3. Dự án 3: Chăm sóc SKSS và cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em**

#### **3.1 Chăm sóc sức khỏe sinh sản:**

Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám ít nhất 3 lần trong thai kỳ: 64,05%, đạt 71,1% KH năm

Số tai biến sản khoa: 11 (băng huyết 8, nhiễm trùng 1, sản giật 2), tăng 4 ca so cùng kỳ năm trước. Tử vong mẹ: 01 (băng huyết do đờ tử cung sau mổ lấy thai tại BVĐK Đặng Thùy Trâm)

Tổng số lần khám phụ khoa: 40.197, đạt 45,68% KH năm, giảm 7,9% so cùng kỳ năm trước, Số người được chữa phụ khoa: 17.744, đạt 44,36% KH năm, giảm 5,5% so cùng kỳ năm trước,

#### **3.2 Cải thiện tình trạng dinh dưỡng trẻ em**

Tổng số trẻ < 2 tuổi: 38.399, Tổng số trẻ < 5 tuổi: 92.523.

Số trẻ đẻ ra sống: 6.746, số trẻ đẻ sống được cân: 6.459.

Số gia đình trẻ < 5 tuổi SDD được CTV, cán bộ y tế đến thăm và tư vấn: 20.032.

Số lần phát thanh truyền thông giáo dục dinh dưỡng trên đài phát thanh xã: 1.327.

Số buổi thực hành dinh dưỡng được tổ chức: 296.

Tổng số lượt bà mẹ mang thai, người chăm sóc trẻ thực hành dinh dưỡng: 4.948.

### **4. Dự án 5: Nâng cao năng lực truyền thông; giám sát đánh giá thực hiện chương trình:**

Thực hiện 12 chuyên mục sức khỏe cộng đồng bằng tiếng kinh và tiếng H're trên Đài phát thanh- Truyền hình tỉnh; đưa 18 tin và 07 phóng sự về các hoạt động của ngành y tế trên chương trình thời sự Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Ngãi đạt 102,7% vượt 52.7% kế hoạch so với cùng kỳ năm 2013.

Thực hiện 12 chuyên mục trên Báo Quảng Ngãi và 13 tin, bài trên Báo Quảng Ngãi đạt 50% kế hoạch và bằng cùng kỳ năm ngoái.

Phát thông điệp tuyên truyền phòng chống cúm A(H5N1) và cúm A(H7N9) truyền; Ngày Thế giới phòng, chống lao; phòng chống bệnh sởi trên sóng phát thanh và truyền hình Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh.

Phát hành 02 số tập san Thông tin Y tế Quảng Ngãi đạt 33,3% kế hoạch và giảm 16,7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Triển khai công tác phòng, chống bệnh tay chân miệng, sốt xuất huyết và hướng dẫn tuyên truyền phòng chống tác hại thuốc lá và vi chất dinh dưỡng cho các huyện/thành phố.

Tổ chức 01 lớp tập huấn lập kế hoạch và kỹ năng truyền thông cho cán bộ Phòng/Tổ Truyền thông các đơn vị.

Tuyên truyền qua hệ thống đài truyền thanh 14 huyện/thành phố về phòng chống lao và phòng chống bệnh sởi; phòng chống sốt rét; phòng chống lao.

In 15 đĩa CD về phòng chống bệnh sởi cấp cho 14 huyện/thành phố và 06 đĩa CD về phòng chống sốt rét cấp cho 6 huyện miền núi.

### **III. Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình.**

#### **1. Dự án 1: Đảm bảo hậu cần và cung cấp dịch vụ KHHGD:**

Kiểm tra, giám sát tồn kho các phương tiện tránh thai năm 2013 tại huyện, thành phố.

Cấp phát phương tiện tránh thai cho Trung tâm chăm sóc SKSS tỉnh, Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố và các địa phương trong tỉnh gồm: 9.141 chiếc vòng Tcu 380A, 5.800 vỉ thuốc uống tránh thai Naphalevo, 25.560 vỉ thuốc uống tránh thai Ideal, 3.515 lọ thuốc tiêm tránh thai, 118.000 chiếc bao cao su.

Tiếp nhận và phân phối sản phẩm tiếp thị xã hội cho các huyện, thành phố: 6.500 vỉ thuốc uống tránh thai NightHappy, 86.800 chiếc bao cao su Night Happy, đã bán được 11.010 vỉ thuốc uống tránh thai NightHappy và 112.588 chiếc bao cao su Night Happy.

Phối hợp Trung tâm Chăm sóc sức khỏe Cộng đồng tại Đà Nẵng triển khai chương trình CHOICE - lựa chọn hỗ trợ đặt dụng cụ tử cung và đình sản năm 2014 cho 30 cán bộ thuộc Trung tâm Y tế Dự phòng, Trung tâm Y tế và 14 Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố.

Kết quả thực hiện các biện pháp tránh thai (BPTT) tính đến ngày 10/6/2014:

TT	BPTT	Đơn vị tính	Thực hiện đến ngày 10/6/2014			
			Thực hiện	Kế hoạch	Đạt %	So sánh cùng kỳ năm 2013 (%)
1	Đình sản	Người	247	250	98,80	Tăng 54,4%
2	Dụng cụ tử cung	Người	6.896	10.400	66,31	Tăng 17,52%
3	Bao cao su	Người	25.228	20.570	122,64	Tăng 26,74%
4	Viên uống TT	Người	15.995	20.100	79,58	Tăng 7,54%
5	Thuốc tiêm	Người	1.899	2.080	91,30	Tăng 22,25%
6	Thuốc cấy	Người	25	100	25,00	Tăng 13,46%
<b>Tổng cộng:</b>		Người	<b>50.290</b>	<b>53.500</b>	<b>94,00</b>	<b>Tăng 18,75%</b>

## 2. Dự án tầm soát các dị dạng, bệnh tật bẩm sinh và kiểm soát mất cân bằng giới tính khi sinh:

### 2.1 Mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân:

Phối hợp với Viện Nghiên cứu Chiến lược - Bộ Y tế khảo sát mô hình tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân tại 03 huyện: Tư Nghĩa, Nghĩa Hành, Trà Bồng.

Trung tâm DS-KHHGD thành phố Quảng Ngãi tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ cho 413 thanh niên trẻ, tư vấn trực tiếp tại góc truyền thông cho 160 người và cấp 4.000 tờ rơi; huyện Tây Trà phối hợp với trường THPT huyện tổ chức sinh hoạt ngoại khóa cho 425 học sinh với chủ đề: “Tìm hiểu sức khỏe sinh sản, giáo dục giới tính, bình đẳng giới”; huyện Minh Long tổ chức sinh hoạt định kỳ câu lạc bộ với nội dung suy nghĩ đúng, hình thành các mối quan hệ lành mạnh, trong sáng về tình bạn, tình yêu và hôn nhân gia đình; huyện Sơn Hà phối hợp với Trường THCS Sơn Hà tổ chức cấp phát 863 tờ rơi và tuyên truyền cho 516 em học sinh về kỹ năng sống, các vấn đề về tuổi dậy thì, SKSS tiền hôn nhân; huyện Lý Sơn phối hợp với Huyện đoàn tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ sức khỏe tiền hôn nhân cho 52 đoàn viên tham gia về các nội dung như: chăm sóc SKSS vị thành niên, mất cân bằng giới tính khi sinh; huyện Ba Tư duy trì sinh hoạt các câu lạc bộ với 157 người tham gia và cấp phát 5000 tờ rơi tại 03 xã: Ba Vinh, Ba Tô, Ba Vi ...

### 2.2 Đề án sàng lọc trước sinh và sơ sinh:

Tiếp nhận từ Trường Đại học Y, Dược Huế: 1.400 bộ dụng cụ lấy mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh và 500 bộ dụng cụ lấy mẫu máu đầu ngón tay bà mẹ mang thai.

Cấp phát cho Trung tâm Chăm sóc SKSS tỉnh và Trung tâm DS-KHHGD huyện, thành phố: 320 bộ dụng cụ lấy mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh và 200 bộ

dụng cụ lấy mẫu máu đầu ngón tay bà mẹ mang thai; 01 bộ máy siêu âm xách tay trắng đen cho Khoa sản, Bệnh viện Đa khoa Đặng Thù Trâm.

Tính đến 10/6/2014, toàn tỉnh có 215 trường hợp được siêu âm, lấy mẫu máu đầu ngón tay của bà mẹ mang thai để sàng lọc trước sinh và 257 trường hợp lấy mẫu máu gót chân trẻ sơ sinh để sàng lọc sơ sinh. Trong đó, tại Trung tâm chăm sóc SKSS tỉnh có 23 trường hợp mẫu máu đầu ngón tay bà mẹ mang thai được sàng lọc miễn phí (biểu 02). Qua kết quả xét nghiệm phát hiện 02 trường hợp thiếu men G6PD tại huyện Bình Sơn.

### **2.3 Đề án giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh:**

Nhân bản và cấp phát cho 14 huyện, thành phố: 1.160 cuốn sách mỏng Mất cân bằng giới tính khi sinh thực trạng và giải pháp, 1.022 cuốn Một số chính sách hiện hành liên quan đến mất cân bằng giới tính khi sinh, 24.280 tờ rơi “Mất cân bằng giới tính khi sinh ở Việt Nam đã đến lúc chúng ta cần hành động”.

Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ xã, thị trấn truyền thông SKSS/KHHGD cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, tuyên truyền về nội dung, nguyên nhân, hệ lụy tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh và những quy định nghiêm cấm lựa chọn giới tính thai nhi. Kết quả: thành phố Quảng Ngãi 1.570 người, huyện Tư Nghĩa 820 người, huyện Đức Phổ 1.822 người tham dự.

### **3. Dự án nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện chương trình:**

#### **3.1 Hoạt động nâng cao năng lực:**

Hoàn thành việc chuyển đổi cơ sở dữ liệu cho 12 xã và 01 thị trấn của huyện Sơn Tịnh, huyện Tư Nghĩa cho thành phố Quảng Ngãi quản lý theo Nghị quyết số 123/NQ-CP ngày 12/12/2013 của Chính phủ; tiến hành nhập thông tin hồ sơ công chức, viên chức Chi cục và Trung tâm DS-KHHGD các huyện, thành phố.

#### **3.2 Hoạt động truyền thông:**

Phối hợp với Báo Quảng Ngãi và Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh thực hiện công tác truyền thông đại chúng DS-KHHGD theo định kỳ. Kết quả:

- + Báo Quảng Ngãi: 12 chuyên mục, 12 bài.
- + Phát thanh-Truyền hình: 12 chuyên mục, 36 tin, bài.

Nhân bản và cấp phát cho 14 huyện, thành phố và các ngành, đoàn thể 52 bộ đĩa nén DVD về liên hoan tuyên truyền viên dân số.

Hướng dẫn các huyện, thành phố thực hiện Chiến dịch chăm sóc SKSS/KHHGD năm 2014; các hoạt động kỷ niệm, hưởng ứng các sự kiện năm 2014; tiến hành củng cố hệ thống Pano truyền thông trực quan trên địa bàn tỉnh.

Hoàn thành các báo cáo: kết quả phối hợp hoạt động truyền thông-giáo dục chuyển đổi hành vi về DS-KHHGD với các ban, ngành, đoàn thể năm 2013; kết quả hoạt động Truyền thông-Giáo dục về DS-KHHGD quý I năm 2014; báo

cáo nhanh tiến độ thực hiện Chiến dịch SKSS/KHHGD đợt I năm 2014 gửi Tổng cục DS-KHHGD.

Phối hợp với Trường Chính trị lồng ghép công tác DS-KHHGD vào chương trình đào tạo năm 2014, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh Quảng Ngãi lồng ghép công tác DS-KHHGD năm 2014.

#### **4. Đề án kiểm soát dân số vùng biển, đảo và ven biển (Đề án 52):**

Báo cáo kết quả thực hiện Đề án năm 2013; tình hình và kết quả 5 năm triển khai thực hiện Đề án (2009-2014) gửi Tổng cục DS-KHHGD.

Cấp phát 519 chiếc cặp tài liệu cho cán bộ chuyên trách, cộng tác viên DS-KHHGD thuộc 26 xã có Đề án.

Kiểm tra, giám sát dịch vụ KHHGD tại các xã thuộc Đề án.

Huyện Đức Phổ, huyện Bình Sơn, huyện Lý Sơn tổ chức truyền thông về SKSS/KHHGD tư vấn, lồng ghép dịch vụ-KHHGD. Kết quả: huyện Đức Phổ có 3.144 chị tham dự; huyện Bình Sơn có 1.780 phụ nữ đến khám phụ khoa, trong đó siêu âm cho 740 phụ nữ và 398 phụ nữ đặt vòng tránh thai ; huyện Lý Sơn có 36 phụ nữ tham dự.

### **IV. Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm:**

#### **1. Dự án 1: (Y tế) Nâng cao năng lực quản lý chất lượng VSATTP:**

##### *1.1. Công tác thanh kiểm tra, giám sát:*

Toàn tỉnh thành lập 946 đoàn, trong đó: 634 đoàn kiểm tra định kỳ (tỉnh: 5 đoàn, huyện: 14 đoàn, xã: 615 đoàn) và 312 đoàn liên ngành (tỉnh: 02 đoàn; huyện: 14 đoàn; xã: 296 đoàn). Kết quả: Đã kiểm tra 10.090 cơ sở, trong đó có 2.113 cơ sở vi phạm, xử lý và phạt tiền 81 cơ sở với tổng số tiền phạt là: 90.800.000đ, nhắc nhở 1.911 cơ sở và đình chỉ hoạt động 02 cơ sở (huyện Sơn Tịnh).

Số lượt cơ sở đã kiểm tra: 10.090, đạt 68,16% KH năm; số lượt cơ sở đạt: 7.977, đạt 58,51% KH năm.

##### *1.2. Hoạt động cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP, cam kết, quản lý công bố tiêu chuẩn sản phẩm và quảng cáo sản phẩm:*

- Cấp GCN cơ sở đủ điều kiện ATTP cho 194 cơ sở, trong đó: tỉnh cấp mới 10 cơ sở, cấp lại 11 cơ sở, lũy tích 179 cơ sở; huyện cấp mới 108 cơ sở, cấp lại 65 cơ sở, lũy tích 1.557 cơ sở; xã 0 cơ sở, lũy tích 31 cơ sở. Các xã thực hiện cam kết VSATTP với 665 cơ sở thực phẩm không thuộc diện đăng ký kinh doanh, lũy tích 8.465 cơ sở.

#### **2. Dự án 2: (Y tế) Công tác tuyên truyền, giáo dục đảm bảo VSATTP:**

Phát sóng: tỉnh thực hiện 69 lần trên sóng truyền hình PTQ, 21 bài Báo Quảng Ngãi, web Sở Y tế, Cục ATTP; Toàn tỉnh thực hiện 3.984 lượt phát thanh trên loa đài địa phương, trong đó: tuyến tỉnh 90 lượt; huyện 453 lượt; xã: 3.441 lượt.



Tổ chức 28 lớp tập huấn kiến thức VSATTP cho 1.112 học viên, trong đó: tỉnh 10 lớp/382 học viên, huyện 13 lớp/511 học viên, xã 5 lớp/219 học viên; 126 buổi nói chuyện với 4.878 người tham dự, trong đó: tỉnh 01 buổi/ 100 người tham dự; huyện 69 buổi/ 2.481 người tham dự; xã 56 buổi/ 2.297 người tham dự.

### **3. Dự án 4: Phòng chống ngộ độc thực phẩm:**

Xảy ra 2 vụ ngộ độc thực phẩm với 13 người mắc, không có tử vong, cụ thể: tại huyện Sơn Tây (có 8 người mắc, nguyên nhân nghi do nhiễm vi sinh trong tiết canh heo) và huyện Bình Sơn (5 người mắc nguyên nhân nghi ngờ do bị nhiễm độc tố có trong rượu ngâm thuốc bắc không rõ nguồn gốc). *Tỷ lệ ca ngộ độc thực phẩm/100.000 dân: 1,05*

Toàn tỉnh lấy 706 mẫu giám sát môi nguy, đạt: 44,1% KH năm, trong đó: tỉnh 12/83 mẫu không đạt (01 mẫu rượu truyền thống có hàm lượng Methanol vượt mức cho phép, 10 mẫu nước uống đóng chai bị nhiễm P.seudomonas, 01 mẫu dương tính hàn the); huyện có 22/623 mẫu nhiễm (sàng lọc bằng Test nhanh). Số mẫu đạt: 672 mẫu đạt/706 mẫu, tỉ lệ đạt: 95,1%, vượt KH 0,1%

## **V. Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống HIV/AIDS**

### **1. Dự án 1: Thông tin, giáo dục và Truyền thông thay đổi hành vi phòng HIV/AIDS:**

Phối hợp với Đài truyền thanh 14 huyện, TP tổ chức tuyên truyền phòng, chống HIV/AIDS trên Đài truyền thanh huyện, TP.

Cấp phát 720 Tạp chí AIDS và cộng đồng, 19.000 tờ gấp truyền thông phòng, chống HIV/AIDS và 176 đĩa VCD cho các đơn vị.

Hướng dẫn, giám sát các đơn vị y tế huyện, xã triển khai Tháng cao điểm dự phòng lây truyền HIV từ mẹ sang con, thực hiện truyền thông nhóm, thăm hộ gia đình và tư vấn phòng lây nhiễm HIV cho phụ nữ mang thai.

### **2. Dự án II: Chăm sóc, hỗ trợ, điều trị toàn diện HIV/AIDS**

Phòng khám ngoại trú:

- Lũy tích bệnh nhân đang được điều trị ARV: 142 trường hợp.
- BN mới điều trị: 21 trường hợp (người lớn)
- Tư vấn xét nghiệm tự nguyện: 335 trường hợp.

### **3. Dự án III: Tăng cường năng lực cho hệ thống phòng, chống HIV/AIDS:**

Giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2012-2013.

Tiếp nhận và đưa vào sử dụng Máy xét nghiệm tế bào CD4 (loại xách tay) do Cục Phòng, chống HIV/AIDS cấp.

Hoàn chỉnh báo cáo Đánh giá tác động môi trường Dự án xây dựng Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS.

Khảo sát 12 xã mới triển khai phòng, chống HIV/AIDS năm 2014 và giám sát hỗ trợ 29 xã năm 2013

**4. Dự án IV: Giám sát dịch tế học HIV/AIDS, theo dõi, đánh giá chương trình phòng, chống HIV/AIDS:**

Kết quả xét nghiệm: 8.772 trường hợp - Dương tính: 30 trường hợp. (tăng 1.874 mẫu xét nghiệm và 10 trường hợp dương tính so với cùng kỳ năm 2013)

Tổng số người nhiễm HIV, AIDS và tử vong như sau:

	Nhiễm mới	Luỹ tích
HIV:	30	563
AIDS:	20	361
Tử vong:	6	191

**VI. Tình hình dịch bệnh và các hoạt động khác thuộc lĩnh vực dự phòng:**

**1. Tình hình bệnh Sởi:**

Theo số liệu thống kê của TTYTDP tỉnh, từ đầu năm đến 16/6/2014 đã ghi nhận 128 trường hợp sốt phát ban nghi sởi, trong đó 27/36 trường hợp lấy mẫu xét nghiệm có kết quả dương tính; không có trường hợp tử vong. Bệnh ghi nhận tại 13/14 huyện và 57 xã, phường, thị trấn.

Các địa phương có số trường hợp mắc bệnh cao là Trà Bồng 31 ca, Sơn Hà 19 ca, Minh Long 13, TP Quảng Ngãi 17.

*\* Kết quả tiêm vét và tiêm vắc xin sởi 9 tháng -24 tháng:*

- Số tiêm vét mũi 1 ( số tiêm/ số đối tượng, tỷ lệ % tiêm được): 5.586/ 5.671 tỷ lệ 98,50%

- Số tiêm vét mũi 2 số tiêm/ số đối tượng, tỷ lệ % tiêm được: 6.119/ 6.210 tỷ lệ 98,53%.

*\* Kết quả tiêm VX sởi chống dịch cho đối tượng có độ tuổi từ 9 tháng - 10 tuổi tại các ổ dịch: Long Sơn, Sơn Cao, Sơn Hạ, Sơn Linh, Trà Tân, Trà Bùi, Trà Trung, Trà Lãnh đạt trên 98%.*

**2. Hội chứng viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân:**

Năm 2014: Sau một thời gian gần 01 năm tình hình HCVDDSBTBC tương đối ổn định, từ ngày 07/5/2013-18/3/2014, không ghi nhận ca tái phát thì ngày 19/3/2014 ghi nhận trường hợp bệnh tái phát, bệnh nhân Phạm Văn Trói, Sinh năm 1978, tổ 4 thôn Làng Rêu, xã Ba Điền, huyện Ba Tơ); Đồng thời tiếp tục ghi nhận 02 trường hợp mắc mới: ngày 07/4/2014 phát hiện bệnh nhân Phạm Thị Huy sinh năm 2000, Làng Dút I, xã Ba Nam, đã tử vong tại Bệnh viện Nhi đồng II lúc 9h ngày 17/4/2014; ngày 23/4/2014, ghi nhận bệnh nhân Phạm Thị Léch, sinh năm 1984, thôn Mang Lùng II, xã Ba Tô, hiện đang điều trị Bệnh viện Phong-Đa liễu Quy Hòa.

Ngoài ra ngày 21/4/2014, TTYT huyện Ba Tơ ghi nhận bệnh nhân Phạm Thị Trầu, thôn Mô Lang, xã Ba Tô với biểu hiện dày sừng nứt kẽ lòng bàn tay, bàn chân, người mệt mỏi, ăn uống kém; xét nghiệm men gan bình thường, công thức máu có BC tăng nhẹ, được TTYT Ba Tơ chẩn đoán: **Dày sừng viêm kẽ bội nhiễm/chưa loại trừ HCVDDSBTBC** và chuyển bệnh nhân lên BVĐK tỉnh Quảng Ngãi, tại Khoa Da Liễu chẩn đoán: **Theo dõi HCVDDSBTB**. Trường hợp bệnh nhân này triệu chứng lâm sàng và cận lâm sàng chưa rõ ràng nên Sở Y tế chưa đưa vào danh sách đối tượng bệnh nhân mắc mới HCVDDSBTBC.

**Kết quả khám bệnh cấp thuốc và xét nghiệm sàng lọc, phun hoá chất, tổ chức truyền thông tại huyện Ba Tơ:**

**\* Kết quả tổ chức khám sàng lọc trong thời gian qua:**

Ngày, tháng	Địa điểm khám	Tổng số khám	Tổng số mẫu máu	Men gan tăng	Ghi chú
07/4/2014	Ba Vinh	195	65	03	Các trường hợp men gan tăng đã được cấp thuốc điều trị và đến ngày 28/4/2014 sẽ tiếp tục khám sàng lọc cấp thuốc điều trị dự phòng
8/4/2014	Ba Nam	141	91	13	
18/4/2014	Ba Nam	725	262	17	
23/4/2014	Ba Xa	140	25	0	
26/4/2014	Ba Tô	511	100	02	

**\* Kết quả Phun hóa chất khử khuẩn môi trường:**

Phun hóa chất cho 100% địa bàn các thôn của xã Ba Điền, Ba Nam và các thôn có trường hợp bệnh của xã Ba Tô, Ba Vinh, Ba Xa, Ba Ngạc, Ba Giang.

**\* Kết quả Công tác tuyên thông:**

- Cấp tờ rơi, áp phích đến từng hộ gia đình tại 20 xã, Thị trấn.
- Phối hợp với Đài TTPLTH huyện dành nhiều thời gian để đưa tin về hướng dẫn người dân thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh.
- Vào ngày 28/4/2014 tổ chức tuyên thông trực tiếp về nhận biết và phòng chống hội chứng viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân tại Trường tiểu học và Trường trung học cơ sở xã Ba Tô với 500 học sinh và giáo viên tham gia.

Vào ngày 29/4/2014 tổ chức tuyên thông trực tiếp về nhận biết và phòng chống hội chứng viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân tại Trường tiểu học và Trường trung học cơ sở xã Ba Điền.

**Biện pháp can thiệp trong thời gian đến:** Tiếp tục triển khai đồng bộ 03 nhóm giải pháp can thiệp như trên tại địa bàn các xã có ghi nhận ca bệnh; đồng thời tăng cường công tác thông tin truyền thông, giám sát ca bệnh tại địa bàn các xã thuộc 06 huyện miền núi. Cụ thể tiếp tục khám bệnh cấp thuốc xét nghiệm, siêu âm sàng lọc tại địa bàn các xã có ghi nhận ca bệnh; phát động phong trào vệ sinh yêu nước thông qua việc tổ chức thực hiện chiến dịch VSMT tại các địa phương thuộc các huyện miền núi

### 3. Phòng, chống mù lòa và các bệnh mắt khác:

Số lượt người khám bệnh: 24.539, đạt 49,08% KH năm, tương đương cùng kỳ năm trước.

Điều trị mắt hột: 15, đạt 62.5% KH năm, tăng 25% so cùng kỳ năm trước.

Mô mọng, quặm, khác: 261, đạt 62,14% KH năm, giảm 4% so cùng kỳ năm trước.

Số người mô đục TTT: 668, đạt 66,8% KH năm, giảm 2,7% so cùng kỳ năm trước.

Số người đặt TTT nhân tạo: 664, đạt 67,07% KH, giảm 2,7% so cùng kỳ năm trước. Điều trị các bệnh khác về mắt : 14.579, đạt 41,65% KH, tăng 17,75% so cùng kỳ năm trước.

### VII. Hoạt động khám, chữa bệnh:

Kết quả hoạt động KCB trong 6 tháng đầu năm như sau :

Chỉ tiêu	KH năm 2014	TH 6T/2013	TH 6T/2014	So sánh KH năm	So sánh cùng kỳ
Số lần khám bệnh	1.172.520	707174	728 768	62,15	103,05
Số bệnh nhân điều trị ngoại trú	364.100	301469	398 052	109,32	132,04
Số bệnh nhân điều trị nội trú	155.435	77242	71 929	46,28	93,12
Tổng số ngày điều trị nội trú	942.746	416562	458 062	48,59	109,96
Giường sử dụng bình quân	2.507	2314	2545,0	101,52	109,98
Công suất sử dụng GB	98,0	89,53	95,85	97,81	107,06
Số lần xét nghiệm	2.588.862	1687123	1 211 962	46,81	71,84
Số lần chụp X quang	162.946	92160	106 077	65,10	115,10
Số lần siêu âm	94.660	64320	77 164	81,52	119,97
Tổng số phẫu thuật	20.300	12336	12 164	59,92	98,61

Kết quả hoạt động KCB tại các Trạm Y tế xã, phường, thị trấn như sau:

- Số lần khám bệnh	518.534	- Số bệnh nhân ngoại trú	364.967
Trong đó: YHCT	42.958	Trong đó: YHCT	44.202
TE < 6 tuổi	43.464	TE < 6 tuổi	39.211
- Số bệnh nhân nội trú	1.708	Số lần XN	3.502
Trong đó: YHCT	151	Số lần siêu âm	371
TE < 6 tuổi	245	Số lần chuyển tuyến	10.687

Hoạt động khám chữa bệnh đã dần đi vào nề nếp. Sở Y tế đã thường xuyên giáo dục ý đức, chấn chỉnh tinh thần thái độ phục vụ; nhờ vậy trong 6 tháng đầu năm chất lượng điều trị đã có nhiều tiến bộ, một số kỹ thuật cao đã được triển khai cứu sống kịp thời các bệnh nhân trong tình trạng hiểm nghèo.

### **VIII. Một số công tác khác:**

#### **1. Công tác Thanh tra y tế:**

Thường xuyên triển khai kiểm tra hoạt động hành nghề y dược tư nhân, vệ sinh an toàn thực phẩm trên địa bàn. Trong 6 tháng đầu năm 2014 đã tiến hành thanh tra vệ sinh ATTP đợt Tết Giáp Ngọ và thanh tra đợt xuất các cơ sở hành nghề y, dược, YHCT, chấn chỉnh kịp thời các trường hợp vi phạm.

**a. Công tác Thanh tra chuyên ngành:** Trong 6 tháng đầu năm 2014 Thanh tra Sở đã phối hợp với các đơn vị có liên quan tiến hành 4 cuộc thanh tra chuyên ngành, chấn chỉnh kịp thời các trường hợp vi phạm:

Thanh tra vệ sinh an toàn thực phẩm: 2 cuộc

Thanh tra các cơ sở hành nghề y, dược tư nhân và cơ sở massage: 2 cuộc

#### **b. Công tác tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo:**

\* Đối với công tác tiếp dân:

Phòng tiếp dân tiếp tục thực hiện tốt nội qui và lịch tiếp công dân. Số trường hợp đồng người đến nơi tiếp dân khiếu nại, tố cáo, phản ánh: không có

\* Đối với công tác tiếp nhận và xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, phản ánh:

Tổng số đơn thư sáu tháng đầu năm 2014: tiếp nhận 11 đơn của 9 vụ, và 3 ý kiến phản ánh qua đường dây nóng, (trong đó năm 2013 mang sang 03 đơn/01 vụ khiếu nại). Đã giải quyết xong: 06 đơn/04 vụ,

#### **c. Công tác phòng chống tham nhũng:**

Lãnh đạo các cơ quan, đơn vị đã tổ chức tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo cán bộ, công chức, viên chức hiểu đúng mục đích, yêu cầu và thực hiện tốt các nội dung của Luật phòng, chống tham nhũng.

Hầu hết các cơ quan, đơn vị đã thực hiện tốt quy chế dân chủ trong mọi hoạt động của cơ quan, thực hiện công khai minh bạch trong các hoạt động của cơ quan theo qui định; công khai tài chính, công khai sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính khác, công khai trong công tác đầu tư xây dựng, mua sắm phương tiện làm việc, minh bạch trong xây dựng bộ máy, đào tạo và tuyển chọn cán bộ.

Nhìn chung trong quá trình thực hiện Luật phòng, chống tham nhũng của ngành đã có hiệu quả, bước đầu đã có những chuyển biến về nhận thức của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức. Xác định công tác phòng, chống tham nhũng là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên và không ngừng nâng cao ý thức trách nhiệm của mỗi cơ quan, đơn vị, của mỗi cán bộ, công chức.

Qua công tác tự kiểm tra, trong toàn ngành chưa phát hiện hành vi tham nhũng.

## **2. Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:**

Trong 6 tháng đầu năm, toàn ngành tiếp tục triển khai thực hiện một số dự án sau:

2.1. *BVĐK Đặng Thuỳ Trâm*: Đã khởi công xây dựng vào tháng 4/2011, tiếp tục thi công đến nay giá trị khối lượng thực hiện hoàn thành khoảng 85% giá trị hợp đồng; dự kiến đến tháng 12/2014 sẽ hoàn thành.

2.2. *BVĐK huyện Mộ Đức*: Đã khởi công từ tháng 7/2011; giá trị khối lượng thực hiện hoàn thành khoảng 85% giá trị hợp đồng; dự kiến đến tháng 12/2014 sẽ hoàn thành.

2.3. *Dự án Sửa chữa cải tạo nhà 2 tầng (khoa Nhiệt đới cơ sở cũ Bệnh viện đa khoa tỉnh) để làm cơ sở hoạt động cho Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Quảng Ngãi*: Đã khởi công xây dựng từ đầu tháng 12/2013, đến nay đã cơ bản hoàn thành, ngày 27/6/2014 sẽ nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng.

2.4. *Dự án Bệnh viện Sản - Nhi tỉnh Quảng Ngãi*: Đã khởi công xây dựng vào ngày 14/5/2014.

2.5. *Dự án Mở rộng các khoa Thân nhân tạo, Xét nghiệm, Chẩn đoán hình ảnh và Bệnh nhiệt đới thuộc Bệnh viện đa khoa tỉnh*: Đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu xây lắp, chuẩn bị khởi công trong quý III/2014.

2.6. *Công trình cấp nước và nhà vệ sinh cho 02 Trạm y tế xã*: Trà Giang, Sơn Ba (trả nợ khối lượng thực hiện). Tổ chức thực hiện công trình cấp nước và nhà vệ sinh cho 05 Trạm y tế xã nông thôn (thực hiện đầu tư).

2.7. *Xây dựng 04 Trạm Y tế xã Nghĩa Sơn, Nghĩa Thọ, Phổ Thạnh và Thị trấn Chợ Chùa*: Đã hoàn thành công tác chỉ định thầu thi công xây lắp, khởi công xây dựng trong tháng 6/2014.

2.8. *Dự án Thiết bị kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm*: Đã hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu, ký kết hợp đồng mua sắm trang thiết bị.

2.9. *Dự án “Hỗ trợ Y tế vùng Duyên hải Nam Trung Bộ” sử dụng vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)*, gồm các nội dung: Xây dựng cơ bản (XDCB), mua sắm trang thiết bị, đào tạo, nâng cao năng lực quản lý; ở địa phương chủ yếu thực hiện các hoạt động về XDCB và tập huấn cho cán bộ y tế thôn/bản, y tế xã. Tình hình thực hiện công tác XDCB như sau: Dự án này đầu tư xây dựng mới và nâng cấp mở rộng 05 công trình đã khởi công xây các công trình như sau:

- Đã xây dựng hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 6-10/2013 các công trình: Trung tâm Y tế dự phòng (TTYTDP) huyện Mộ Đức, BVĐK huyện Sơn Tây, Bệnh viện đa khoa (BVĐK) huyện Ba Tơ, BVĐK huyện Trà Bồng.

- Dự kiến hoàn thành trong quý III/2014: BVĐK huyện Tây Trà.

- Các hoạt động khác như: đào tạo, tập huấn, hội thảo, dự trù trang thiết bị thực hiện theo kế hoạch được giao.

2.10. Dự án xây dựng Hệ thống xử lý nước thải Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm (Nguồn vốn sự nghiệp môi trường): Đã triển khai thi công từ đầu tháng 12/2013 đến nay đã cơ bản hoàn thành, đang trình bổ sung hạng mục nâng cấp hệ thống thoát nước thải.

2.11. Dự án đầu Hệ thống xử lý chất thải Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm (Nguồn vốn WB): Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình đã được phê duyệt từ tháng 10/2013, đang trình Ban Quản lý Dự án Hỗ trợ xử lý chất thải bệnh viện - Bộ Y tế thoả thuận kế hoạch đấu thầu.

2.12. Dự án Trung tâm Phòng, chống HIV/AIDS tỉnh (Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2013 chuyển sang: 1.843 triệu đồng): Đã phê duyệt dự án đầu tư ngày 07/11/2013; đang trình phê duyệt kế hoạch đấu thầu và tiến hành lập thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán.

## **Phần 2**

### **Phương hướng, nhiệm vụ công tác y tế 6 tháng cuối năm 2014**

#### **I. Nhiệm vụ trọng tâm:**

1. Tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng, chống bệnh tay chân miệng; bệnh sốt xuất huyết, cúm A (H5N1, H7N9,...). Không chủ quan, lơ là các biện pháp phòng, chống và kiên quyết không để tử vong do dịch bệnh. Duy trì thường xuyên các biện pháp can thiệp nhằm giảm số mắc/chết do Hội chứng viêm da dày sừng bàn tay, bàn chân.

2. Kiểm tra, rà soát kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch được giao, đặc biệt là các chương trình mục tiêu y tế quốc gia. Kịp thời bổ sung, điều chỉnh kế hoạch cho phù hợp. Phần đầu đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao.

3. Thanh tra, kiểm tra nhằm xử lý, chấn chỉnh các hoạt động liên quan đến công tác khám, chữa bệnh (công lập, ngoài công lập); xử lý nghiêm khắc các tập thể, cá nhân có hành vi vi phạm quy chế chuyên môn, tinh thần thái độ phục vụ người bệnh.

4. Tích cực triển khai các biện pháp nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; cải thiện y đức, tinh thần thái độ phục vụ người bệnh tại các cơ sở y tế. Thực hiện tốt công tác đấu thầu mua thuốc, vật tư y tế tiêu hao, hoá chất, hoá chất xét nghiệm.

5. Tổ chức xét tuyển viên chức y tế năm 2014 đảm bảo đúng các quy định hiện hành của nhà nước.

6. Tổ chức nghiệm thu, bàn giao và đưa vào sử dụng công trình bệnh viện YHCT, bệnh viện Đặng Thùy Trâm (mở rộng), bệnh viện đa khoa huyện Mộ Đức (mở rộng). Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các công trình xây dựng cơ bản, giải ngân đúng tiến độ và thanh quyết toán nguồn vốn đầu tư đúng quy định.

7. Kiểm tra, phúc tra, trình UBND tỉnh quyết định công nhận xã đạt Bộ Tiêu chí Quốc gia về y tế năm 2014.

8. Tiếp tục tăng cường luân chuyển bác sĩ về công tác tại Trạm y tế xã. Chủ động tìm nguồn, tư vấn, thu hút bác sĩ, dược sĩ có trình độ đại học, trên đại học về công tác tại tỉnh.

9. Khởi công xây dựng bia tưởng niệm Trạm xá T30 (Trà Tân, Trà Bồng); thực hiện hồ sơ, thủ tục chuẩn bị xuất bản tài liệu Lịch sử ngành y tế tỉnh Quảng Ngãi.

10. Rà soát, bổ sung kế hoạch và chuẩn bị các nguồn lực phục vụ công tác phòng, chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn.

## **II. Các giải pháp chủ yếu:**

### **1. Công tác tham mưu, quản lý, chỉ đạo, điều hành**

- Chủ động, tích cực tham mưu cho Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết những vấn đề trọng tâm, nổi cộm liên quan đến lĩnh vực y tế.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, nâng cao năng lực quản lý, điều hành và trách nhiệm cá nhân từ Lãnh đạo Sở đến Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc.

- Duy trì thường xuyên công tác thanh tra, kiểm tra toàn diện các lĩnh vực hoạt động tại các đơn vị trực thuộc; đặc biệt triển khai thực nghiêm túc Quyết định số 20/2013/QĐ-UBND ngày 07/5/2013 của UBND tỉnh.

- Tăng cường công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác y tế dự phòng, các chương trình mục tiêu quốc gia. Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, tăng cường nâng cao y đức. Sử dụng có hiệu quả cơ sở vật chất, các trang thiết bị đã được đầu tư.

- Tập trung rà soát, đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch y tế giai đoạn 2011-2014, xây dựng kế hoạch hoạt động năm 2015, phấn đấu đạt và vượt các chỉ tiêu y tế đã được nêu trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII.

### **2. củng cố, kiện toàn, phát triển hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh.**

- Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản; hoàn thành, nghiệm thu và đưa công trình vào sử dụng có hiệu quả.

- Tiếp tục sửa chữa, nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế, đặc biệt là tuyến y tế cơ sở. Phấn đấu đạt chỉ tiêu xây dựng xã đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2014.

- Xây dựng và trình Bộ Y tế Dự án Đầu tư phát triển nguồn lực cho Trung tâm Y tế Quân - Dân Y kết hợp huyện Lý Sơn.

### **3. Phát triển nguồn nhân lực**



- Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút, bố trí nhân lực ngành y tế theo Quyết định số 27/2013/QĐ-UBND ngày 31/5/2013 của UBND tỉnh.

- Tuyển dụng, phân bổ nhân lực chuyên môn hợp lý tại tất cả các tuyến, đảm bảo khai thác và sử dụng có hiệu quả các trang thiết bị đã được cung cấp.

- Đề xuất Bộ Y tế phân bổ bác sĩ trẻ tình nguyện về công tác tại 6 huyện miền núi và huyện đảo Lý Sơn.

#### **4. Nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền giáo dục sức khỏe**

- Kiện toàn tổ chức và nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống truyền thông giáo dục sức khỏe từ tỉnh đến cơ sở, đầu tư trang bị các phương tiện cần thiết để hoạt động đạt hiệu quả.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng tăng cường công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức phù hợp với từng địa phương, từng thời điểm, từng nội dung, từng chương trình, để tạo sự chuyển biến rõ rệt về nhận thức, vai trò, trách nhiệm của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc đoàn thể, cộng đồng trong công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân./.

#### **Nơi nhận:**

- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT. HĐND tỉnh;
- Văn phòng Bộ Y tế;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VHXH, HĐND tỉnh;
- Các Sở: KH và Đầu tư, Thông tin-Truyền thông;
- CA tỉnh (Phòng PA83, PC47);
- Sở VH-TT-DL (Khối thi đua VHXH);
- Cục Thống kê tỉnh;
- GD, các PGĐ Sở Y tế;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Các Phòng và Thanh tra Sở Y tế;
- Phòng Y tế các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, CPVP.

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Tấn Hùng**





Phụ lục

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2014 CỦA NGÀNH Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI**

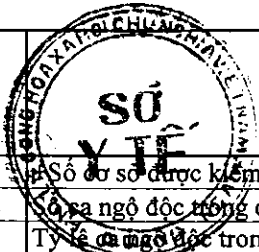
(Kèm theo Báo cáo số: 690/BC-SYT ngày 16/6/2014 của Sở Y tế Quảng Ngãi)

	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2014	TH 6 tháng 2013	TH 6 tháng 2014	So sánh	
						TH/KH năm 2014	TH/Cùng kỳ năm 2013
<b>A</b>	<b>CHỈ TIÊU Y TẾ TỔNG HỢP</b>						
	<b>CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC</b>						
<b>I</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia về Y tế</b>						
<b>1.1</b>	<b>Phòng chống bệnh Phong</b>		5.000	6375	7.808	156,16	122,48
a	Số lần khám bệnh	lần	100.000	115.677	81.430	81,43	70,39
b	Số bệnh nhân mới phát hiện	người	6	2	-	-	-
c	Số bệnh nhân phong quản lý điều trị	người	141	154	141	100,00	91,56
	+Số bệnh nhân phong còn giám sát	người	26	33	31	119,23	93,94
	+Số bệnh nhân phong còn điều trị	người	4	7	2	50,00	28,57
d	Số bệnh nhân phong điều trị khỏi	người	7	-	-	-	-
e	Tỷ lệ bệnh phong lưu hành/10.000 dân	người	0,1	0,05		-	-
g	Tỷ lệ phát hiện mới bệnh phong/100.000	người	0,3	0,20		-	-
<b>1.2</b>	<b>Phòng chống bệnh Lao</b>						
a	Số người được khám phát hiện lao	người	42.000	21.010	20.418	48,61	97,18
b	Số lam đờm xét nghiệm	lam	22.907	14.024	12.922	56,41	92,14
c	Số bệnh nhân lao mới phát hiện	người	1.719	610	643	37,41	105,41
	*Trong đó: AFB(+):	người	680	304	349	51,32	114,80
	*Tỷ lệ AFB(+)/các thể:	%	39,6			-	-
d	Số bệnh nhân lao điều trị khỏi	người	588	272	298	50,68	109,56
	* Tỷ lệ điều trị khỏi	%	86,5			-	-
e	Số BN lao các thể	người	1.300	1.776	2.054	158,00	115,65
<b>1.3</b>	<b>Phòng chống Sốt rét</b>						
a	Dân số được bảo vệ bằng hoá chất	người	86.879			-	-
	Trong đó: * Phun hoá chất	"	16.138			-	-
	* Tẩm màn	"	70.741			-	-
b	Tổng số lượt người được điều trị	l/người	6.000	3.302	1.252	20,87	37,92
	Trong đó: * Điều trị dự phòng	"	5.800	3.205	1.199	20,67	37,41
	* Điều trị bệnh	"	200	97	53	26,50	54,64
c	Tổng số bệnh nhân sốt rét	người	200	97	53	26,50	54,64
	Tr. đó: SRAT			1	3	-	300,00
	Tử vong			-	-	-	-
d	Tổng số lam máu xét nghiệm	lam	40.000	21.016	19.697	49,24	93,72
e	Ti lệ người mắc bệnh sốt rét/1.000 dân số	người	0,17	0,079	0,043	25,29	54,52

	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2014	TH 6 tháng 2013	TH 6 tháng 2014	So sánh	
						TH/KH năm 2014	TH/Cùng kỳ năm 2013
<b>1.4 Phòng chống bệnh Sốt xuất huyết</b>							
a	Số xã triển khai	xã	18			-	
b	Xã giám sát vector thường xuyên	xã	18			-	
c	Số người mắc bệnh SXH	người	1.000	198	59	5,90	
d	Số mắc bệnh/100.000 dân		80,57	16,10	4,78	5,93	
e	Tỷ lệ chết/mắc	%				-	
f	Số lượt hộ giám sát vector	hộ	457.200			-	
g	Số mẫu giám sát huyết thanh	mẫu	240	73	14	5,83	
<b>1.5 Phòng chống bệnh tăng huyết áp</b>							
	* Số lượng cán bộ được đào tạo về tổ chức quản lý dự án. Kiến thức chuyên môn						
a	tim mạch và tăng huyết áp	Cán bộ	325				
b	* Duy trì mô hình quản lý bệnh nhân tăng huyết áp	Xã	10				
	* Sàng lọc và quản lý được tối thiểu 50% bệnh nhân tăng huyết áp trên tất cả các xã/phường đã						
c	qua sàng lọc	Người	1.760				
<b>1.6 Phòng chống bệnh đái tháo đường</b>			15.000	8.361			
a	Số lần khám bệnh	lần	28.000	11.270	16.330	58,32	144,90
b	Số được phát hiện bệnh đái tháo đường	người	1.300		3.924	301,85	#DIV/0!
c	Số được điều trị đái tháo đường	người	9.000		3.924	43,60	
d	Tỷ lệ người tiền ĐTĐ được theo dõi	%	60				
	Số người tiền ĐTĐ được theo dõi	người	1.900	584	1.128	59,37	193,15
e	Giám sát	xã	6				
<b>* Phòng chống bệnh bướu cổ</b>							
a	Tỷ lệ phủ muối iốt	%	90,0				
b	Tỷ lệ hộ gia đình dùng muối iốt đủ tiêu chuẩn phòng bệnh	%	90,0				
c	Tỷ lệ bướu cổ trẻ em 8-12 tuổi	%	< 5				
d	Mức iốt niệu trung vị	mcg/dl	≥ 10				
<b>1.7 Bảo vệ sức khỏe Tâm thần cộng đồng</b>							
a	Số lần khám bệnh	lần	60.000	41.626	45.607	76,01	109,56
	Trong đó: Huyện, TP		32.000	19.891	19.334		
	BV Tâm Thần		28.000	21.735	26.273		
b	Số bệnh nhân mới phát hiện	người	140	120	86	61,43	71,67
	Trong đó: Huyện, TP		56	62	54		
	BV Tâm Thần		84	58	32		
c	Số bệnh nhân quản lý và điều trị	người	5.787	5.798	5.852	101,12	100,93
d	Chăm sóc sức khỏe tâm thần tại cộng đồng						
	+Số xã triển khai	xã	181	179	181	100,00	101,12
	+Số bệnh nhân cũ duy trì chăm sóc	người	5.451	2.216	2.245	41,19	101,31
e	Kết quả điều trị:						
	+Chữa ổn định bệnh nhân	%	81	81	81	100,00	100,00

	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2014	TH 6 tháng 2013	TH 6 tháng 2014	So sánh	
						TH/KH năm 2014	TH/Cùng kỳ năm 2013
	+Bệnh nhân có hành vi gây rối	%	20	19	19	95,00	100,00
	+Bệnh nhân gây nguy hại	%	11	10	10	90,91	100,00
	+Bệnh nhân mãn tính, tàn phế	%	8	8	8	100,00	100,00
<b>1.8</b>	<b>Dự án 3: Tiêm chủng mở rộng</b>						
a	Số trẻ em dưới 1 tuổi	người	23.142			-	#DIV/0!
	* Số trẻ dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vaccin	người	22.667	9838	7.156	31,57	72,74
	Đạt tỷ lệ	%	98			-	#DIV/0!
	* Số trẻ em tiêm vắc xin sởi mũi.	người	20.091				
	Đạt tỷ lệ	%					
b	Số phụ nữ có thai	người					
	+Số phụ nữ có thai được tiêm chủng vắc xin uốn ván	người	22.138	7425	8.633	39,00	116,27
	+Đạt tỷ lệ	%	95	36,96	37	38,99	100,22
c	Số trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm phòng viêm gan B	trẻ	23.112	8110	380	1,64	4,69
	+Đạt tỷ lệ	%		35,57	1,63		4,58
d	Số trẻ < 1 tuổi tiêm phòng viêm não NBB	trẻ					
	+Đạt tỷ lệ	%					
<b>1.9</b>	<b>Chăm sóc sức khỏe sinh sản</b>						
1	Tỷ lệ phụ nữ có thai được khám ít nhất 3 lần trong 3 thai kỳ	%	90		64	71,11	
2	Tỷ lệ phụ nữ đẻ do nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ	%	92,2		90	97,61	
3	Tỷ lệ bà mẹ và trẻ sơ sinh được nhân viên y tế chăm sóc trong tuần đầu sau sinh	%	96				
	Khám phụ khoa		88.000	43627	40.197	45,68	92,14
	Điều trị phụ khoa		40.000	18397	17.744	44,36	96,45
<b>1.10</b>	<b>Phòng chống Suy dinh dưỡng trẻ em</b>						
a	Số trẻ dưới 5 tuổi	người	94.938				
b	Số trẻ dưới 2 tuổi	người	36.734				
c	Số trẻ đẻ sống	người	18.367				
d	Số trẻ đẻ sống được cân	người	18.367				
d	Số bà mẹ có thai tham gia THDD	người	18.988				
e	Số bà mẹ có trẻ < 2 tuổi tham gia THDD	người	37.975				
g	Số trẻ dưới 2 tuổi được cân hàng tháng	người	34.897				
h	Số trẻ dưới 5 tuổi được cân	người	90.191				
i	Tỷ lệ TE dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng (Theo Quyết định 315/QĐ-UBND ngày 12/12/2013)	%	15,7				
	* Tỷ lệ suy dinh dưỡng nhẹ cân (cân nặng theo tuổi)	%	15,7				
	* Tỷ lệ suy dinh dưỡng thấp còi	%	25,7				
<b>1.11</b>	<b>Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình</b>						
a	Nâng cao năng lực, truyền thông và giám sát, đánh giá thực hiện dự án						
	* Số lớp tập huấn cho cán bộ quản lý	Lớp	1				
	* Tỷ lệ các huyện được giám sát kế hoạch	%	90				

	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2014	TH 6 tháng 2013	TH 6 tháng 2014	So sánh	
						TH/KH năm 2014	TH/Cùng kỳ năm 2013
<b>b</b>	<b>Truyền thông về Y tế trường học</b>						
	* Tỷ lệ cán bộ chuyên trách y tế trường học các cấp được tập huấn	%	80				
	* Tỷ lệ cán bộ chuyên trách y tế trường học các ngành giáo dục được tập huấn	%	50				
	* Tỷ lệ học sinh, giáo viên cả nước được tiếp cận thông tin, truyền thông phòng chống bệnh học đường	%	50				
	* Tỷ lệ các học sinh các trường điểm được tẩy giun định kỳ 2 lần/năm	%	85				
	* Số lượng học sinh tối thiểu được kiểm tra yếu tố vệ sinh trường học	Trường	25				
<b>1.12</b>	<b>Dự án 5: Quân dân y kết hợp</b>						
	* Tỷ lệ huyện đảo được hỗ trợ y tế	%	100				
<b>II</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hoá gia đình</b>						
1	Dân số trung bình		1.241.200				
	* Số phụ nữ 15-49		346.295				
	* Số phụ nữ 15-49 có chồng		244.487				
2	Tỷ suất sinh thô		14,8				
3	Mức giảm tỷ lệ sinh	%o	0,2				
4	Tỷ lệ tăng tự nhiên	%o	8,38				
5	Tỷ lệ sinh con thứ ba trở lên	%	10				
6	Số con trung bình của một phụ nữ	người	2,06				
7	Tỷ số giới tính khi sinh (số bé tra/100 bé gái)	người					
8	Tốc độ tăng tỷ số giới tính khi sinh	Điểm %	0,3				
8	Tỷ lệ sàng lọc trước sinh	%	11				
10	Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh	%	22				
12	Số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại trong năm		53.500	42381	50.290	94,00	118,66
	* Số triệt sản		250	160	247	98,80	154,38
	* Số người đặt vòng tránh thai		10.400	5868	6.896	66,31	117,52
	* Số người dùng bao cao su		20.570	19905	25.228	122,64	126,74
	* Số người cấy thuốc tránh thai	"	100	22	25	25,00	113,64
	* Số người tiêm thuốc tránh thai	"	2.080	1553	1.899	91,30	122,28
	* Số người dùng viên thuốc tránh thai	"	20.100	14873	15.995	79,58	107,54
<b>III</b>	<b>Chương trình mục tiêu quốc gia Vệ sinh an toàn thực phẩm</b>						
1	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm	%	80				
	Số cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc ngành Y tế quản lý	cơ sở	7.000				
	+Số cơ sở được kiểm tra	Lượt cơ sở	14.804		10.090	68,16	



**CÁC CHỈ TIÊU**

	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2014	TH 6 tháng 2013	TH 6 tháng 2014	So sánh	
					TH/KH năm 2014	TH/Cùng kỳ năm 2013
Số cơ sở được kiểm tra đạt TCVS	Lượt cơ sở	13.634		7.977	58,51	
2 Số cơ sở ngộ độc trong các vụ ngộ độc thực phẩm được báo cáo	Ca	<7		13	-	
Tỷ lệ cơ sở ngộ độc trong các vụ ngộ độc thực phẩm được báo cáo/100.000 dân	/100000 dân	0,038		706	44,13	
5 Mẫu kiểm nghiệm VSATTP	mẫu	1.600		672	44,21	
Trong đó: + Mẫu đạt TCVS	mẫu	1.520		95,18	100,19	
+Tỷ lệ đạt TCVS	%	95				
6 Số phòng kiểm nghiệm, xét nghiệm cấp tỉnh tham gia thử nghiệm liên phòng, đánh giá chất lượng kiểm nghiệm	Phòng	1				
<b>IV Chương trình mục tiêu quốc gia Phòng, chống HIV/AIDS</b>						
1 Tỷ lệ cán bộ làm công tác phòng, chống HIV/AIDS ở các Ban ngành, đoàn thể của địa phương được đào tạo về truyền thông phòng, chống HIV/AIDS	%	40	40	40	100,00	100,00
2 Tỷ lệ cơ quan thông tin đại chúng địa phương đăng, phát thông tin về phòng chống IV/AIDS	%	50	30	42	84,00	140,00
3 Tỷ lệ xã tổ chức hoạt động truyền thông phòng, chống HIV/AIDS	%	50	45	49	98,00	108,89
4 Tỷ lệ doanh nghiệp (nhỏ và vừa) tổ chức hoạt động truyền thông phòng, chống HIV/AIDS	%	20	20			127,17
5 Số mẫu giám sát phát hiện HIV/AIDS	Số mẫu	3.000	6898	8.772	292,40	
6 Tỷ lệ trẻ sinh ra từ mẹ nhiễm và nghi nhiễm HIV được làm xét nghiệm chuẩn đoán sớm nhiễm HIV	%	100	100	100	100,00	100,00
7 Tỷ lệ người nghiện chích ma túy sử dụng bơm kim tiêm sạch	%	65			-	
8 Tỷ lệ người bán dâm sử dụng bao cao su trong quan hệ tình dục	%	75			-	
9 Tỷ lệ MSM sử dụng bao cao su trong quan hệ tình dục đồng giới qua đường hậu môn	%	35			-	98,37
10 Số bệnh nhân điều trị ARV người lớn	Bệnh nhân	200	123	121	60,50	-
11 Số trẻ em điều trị ARV	Trẻ em	25	12	9	16,72	45,97
12 Tỷ lệ phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV	%	55	20	26	47,41	130,38
13 Tỷ lệ bệnh nhân lao được xét nghiệm HIV	%	55	20	100	133,33	
14 Tỷ lệ phụ nữ mang thai có HIV dương tính được điều trị dự phòng lây từ mẹ sang con	%	75		40	57,14	133,33
15 Tỷ lệ người nhiễm HIV mắc lao được điều trị đồng thời lao và ARV	%	70	30			
* <b>Các chỉ tiêu khác</b>						
1 Xã trọng điểm triển khai HĐPC AIDS	xã	40	53	60	150,00	113,21
2 Số huyện, thị triển khai hoạt động PC AIDS	huyện	14	14	14	100,00	100,00
3 Số máu được SL HIV/AIDS tr.khi truyền	đơn vị máu	7.000	4309	3.768	53,83	87,44
Tỷ lệ	%	100	71,8	54	53,83	74,95
4 Số người nhiễm HIV/AIDS được phát hiện	người	573	500	563	98,25	112,60
Trong đó số mới	người	50	20	30	60,00	150,00
5 Số mắc AIDS đã chết	người	10	3	6	60,00	200,00
6 Số người nhiễm HIV/AIDS được quản lý, điều trị	người	178	135	121	67,98	89,63
<b>V Phòng chống mù lòa và các bệnh về mắt</b>						
1 Số lần khám bệnh		50.000	24.384	24.539	49,08	100,64
2 Số mô đục thủy tinh thể		1.000	686	668	66,80	97,38
Trong đó: Số được đặt thủy tinh thể nhân tạo		990	682	664	67,07	97,36

	CÁC CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2014	TH 6 tháng 2013	TH 6 tháng 2014	So sánh	
						TH/KH năm 2014	TH/Cùng kỳ năm 2013
3	Số điều trị mắt hột		24	12	15	62,50	125,00
4	Số mổ mộng, quặm và khác		420	272	261	62,14	95,96
5	Số điều trị các bệnh về mắt		35.000	12.381	14.579	41,65	117,75
	Trong đó: Viêm kết mạc			7.009	8.828		125,95
<b>VI</b>	<b>Khám chữa bệnh tại BVĐK và PKĐKKV</b>						
1	Số Giường bệnh KH						
2	Số lần khám bệnh	giường	2.655	2585	2.655	100,00	102,71
3	Số bệnh nhân điều trị ngoại trú	lần	1.172.520	707174	728.768	62,15	103,05
4	Số bệnh nhân điều trị nội trú	người	364.100	301469	398.052	109,32	132,04
5	Tổng số ngày điều trị nội trú	người	155.435	77242	71.929	46,28	93,12
6	Giường sử dụng bình quân	ngày	942.746	416562	458.062	48,59	109,96
7	Công suất sử dụng GB	giường	2.507	2314	2545,0	101,52	109,98
8	Số lần xét nghiệm	%	98,0	89,53	95,85	97,81	107,06
9	Số lần chụp X quang	lần	2.588.862	1687123	1.211.962	46,81	71,84
10	Số lần siêu âm	lần	162.946	92160	106.077	65,10	115,10
11	Số trung đại phẫu	lần	94.660	64320	77.164	81,52	119,97
<b>VII</b>	<b>Hoạt động của trạm y tế cơ sở</b>						
1	Số lần khám bệnh						
2	Số bệnh nhân điều trị ngoại trú		1.032.562	432926	518.534	50,22	119,77
3	Số bệnh nhân điều trị nội trú		516.281	255293	364967	70,69	142,96
4	Tổng số ngày điều trị nội trú		10326	1649	1708	16,54	103,58
5	Số lần xét nghiệm		30977	6068	4737	15,29	78,07
6	Số lần siêu âm			3049	3502		114,86
				444	371		83,56